

Số: /KH-UBND-TTr

Bình Thạnh, ngày tháng năm 2024.

KẾ HOẠCH
Thực hiện việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2024.

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Thực hiện Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; Hướng dẫn số 03-HD/UBKTTW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban kiểm tra Trung ương thực hiện một số điều của Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập;

Thực hiện Công văn số 5324/UBND-NCPC ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2024,

Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh xây dựng Kế hoạch thực hiện việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2024 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích:

Kê khai tài sản, thu nhập là để cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền biết rõ tài sản, thu nhập; biến động về tài sản, thu nhập; nguồn gốc tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập nhằm phòng ngừa tham nhũng, phục vụ công tác cán bộ, kịp thời phát hiện tham nhũng, ngăn chặn hành vi tẩu tán tài sản tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng.

Tăng cường sự lãnh đạo, nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập (*sau đây gọi là người có nghĩa vụ kê khai*) trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình phụ trách.

2. Yêu cầu:

Các thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quán triệt việc kê khai tài sản, thu nhập và tổ chức thực hiện đầy đủ mục đích, yêu cầu và nội dung của Kế hoạch; theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao chủ động phối hợp triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập.

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phải nhận thức sâu sắc, ý thức được tầm quan trọng của công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai để thực hiện đúng quy định pháp luật, góp phần phòng ngừa tham nhũng.

Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai trung thực về tài sản, thu nhập, giải

trình trung thực về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai tài sản, thu nhập.

II. NỘI DUNG:

1. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập:

Người có nghĩa vụ kê khai là các trường hợp được quy định tại Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

2. Phương thức và thời điểm kê khai tài sản, thu nhập:

a) Kê khai lần đầu¹:

Người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các ***khoản 1, 2, và 3 Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018*** phải hoàn thành việc kê khai chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, bổ trí vào vị trí công tác (*Thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục I đính kèm Kế hoạch*).

b) Kê khai hằng năm:

Kê khai hằng năm được thực hiện đối với những trường hợp được quy định tại ***khoản 3 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ***. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2024 (*Thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục I đính kèm Kế hoạch*).

c) Kê khai bổ sung²:

- Kê khai bổ sung được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có ***biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên, trừ trường hợp đã kê khai hằng năm*** như nêu trên. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2024 (*Thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục I đính kèm Kế hoạch*).

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai ***Mẫu Đăng ký kê khai tài sản, thu nhập bổ sung năm 2024*** (*Theo Phụ lục I đính kèm Kế hoạch*) đến người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập lần đầu nhưng không thuộc đối tượng kê khai tài sản, thu nhập hằng năm tại đơn vị để họ kiểm tra, rà soát tài sản, thu nhập biến động trong năm, thực hiện đăng ký kê khai theo quy định.

3. Tài sản, thu nhập phải kê khai:

Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập *của mình, của vợ hoặc chồng, con chưa thành niên* theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

4. Mẫu bản kê khai và thực hiện kê khai tài sản, thu nhập³:

- Việc ***kê khai lần đầu*** và việc ***kê khai hằng năm*** được thực hiện theo Mẫu bản kê khai và Hướng dẫn việc kê khai tại ***Phụ lục II*** Kế hoạch này.

¹ Điểm b khoản 1 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

² Khoản 2 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

³ Điều 9 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

- Việc **kê khai bổ sung** được thực hiện theo Mẫu bản kê khai và hướng dẫn việc kê khai bổ sung tại **Phụ lục III** Kế hoạch này.

5. Tổ chức việc kê khai tài sản, thu nhập:

a) Bước 1. Lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập và gửi cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền:

- Các Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức lập Danh sách người có nghĩa vụ kê khai theo quy định và gửi về Phòng Nội vụ **trước ngày 15 tháng 10 năm 2024** (Thực hiện theo Mẫu danh sách 1, 2, 3 – Phụ lục I đính kèm Kế hoạch; Gửi cả 03 danh sách đến Phòng Nội vụ).

Lưu ý: triển khai mẫu Đăng ký kê khai tài sản, thu nhập bổ sung năm 2024 đến người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập lần đầu nhưng không thuộc đối tượng kê khai tài sản, thu nhập hàng năm tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để họ kiểm tra, rà soát tài sản, thu nhập biến động trong năm, thực hiện đăng ký kê khai theo quy định. Trên cơ sở kết quả đăng ký, lập Danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập bổ sung năm 2024.

- Phòng Nội vụ phối hợp Ban Tổ chức Quận ủy rà soát, tổng hợp Danh sách người có nghĩa vụ kê khai trình Ủy ban nhân dân quận phê duyệt và gửi danh sách đã được phê duyệt cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền (Ủy ban kiểm tra Thành ủy, Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban kiểm tra Quận ủy)⁴ và các cơ quan, đơn vị có liên quan **trước ngày 29 tháng 10 năm 2024**.

Lưu ý: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị xem thêm hướng dẫn của Thanh tra Thành phố về việc xác định các ngạch công chức và chức danh người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hàng năm thuộc thẩm quyền kiểm soát tài sản, thu nhập của Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh tại các quận, huyện đính kèm Kế hoạch này để xác định các trường hợp cần kê khai.

b) Bước 2. Phát mẫu kê khai và thực hiện kê khai tài sản, thu nhập:

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị lập sổ theo dõi kê khai, giao, nhận bản kê khai.

- Căn cứ vào Danh sách người có nghĩa vụ kê khai được Ủy ban nhân dân quận phê duyệt, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị giao bộ phận phụ trách công tác tổ chức, cán bộ của cơ quan, đơn vị phát mẫu bản kê khai và hướng dẫn người có nghĩa vụ kê khai thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ và hướng dẫn chi tiết tại Kế hoạch này (**Trước ngày 01 tháng 11 năm 2024**).

- Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai trung thực về tài sản, thu nhập; giải trình trung thực về nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai tài sản, thu nhập; Phải ký tên ở từng trang (bên phải của bản kê khai) và ký, ghi rõ họ tên ở trang cuối cùng của bản kê khai; trường hợp người kê khai ký từng trang thì không ký nháy, ký tắt mà ký chữ ký giống như trang cuối.

⁴ Theo quy định tại Điều 3 Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập ban hành kèm theo Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị.

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị nộp Phòng Nội vụ **03** bản chính bản kê khai (Các cơ quan, tổ chức, đơn vị kiểm tra tính đầy đủ của các nội dung phải kê khai theo mẫu đối với bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai trước khi nộp về Phòng Nội vụ).

c) Bước 3. Tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập:

- **Trước ngày 10 tháng 11 năm 2024**, các cơ quan, tổ chức, đơn vị nộp bản kê khai tài sản, thu nhập về Phòng Nội vụ.

- **Phòng Nội vụ** tiếp nhận bản kê khai, rà soát, kiểm tra tính đầy đủ của các nội dung phải kê khai theo mẫu đối với bản kê khai tài sản. Trường hợp bản kê khai không đúng theo mẫu hoặc không đầy đủ về nội dung thì **Phòng Nội vụ** gửi trả bản kê khai và yêu cầu cơ quan, đơn vị kê khai bổ sung hoặc kê khai lại. **Thời hạn kê khai bổ sung hoặc kê khai lại là 07 ngày** kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp có lý do chính đáng. Thời gian các cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi bản chính bản kê khai tài sản, thu nhập (bản hoàn chỉnh) của những người có nghĩa vụ kê khai cho **Phòng Nội vụ** là **trước ngày 01 tháng 12 năm 2024**.

- **Phòng Nội vụ** sau khi ký nhận vào **03 bản** kê khai (ký tên ở từng trang (bên trái của bản kê khai) và ký, ghi rõ họ tên, chức vụ ở trang cuối cùng của bản kê khai), thực hiện gửi **trả 01** bản chính cho cơ quan, tổ chức, đơn vị để phục vụ hoạt động công khai bản kê khai và công tác quản lý của cơ quan, đơn vị (**Thực hiện trước ngày 06 tháng 12 năm 2024**). Phòng Nội vụ hướng dẫn cơ quan, tổ chức, đơn vị scan và gửi file scan của bản kê khai tài sản thu nhập (có đầy đủ chữ ký của người kê khai và người tiếp nhận bản kê khai) để tổng hợp gửi cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

- **Phòng Nội vụ gửi 01 bản chính bản kê khai tài sản, thu nhập về cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập⁵ trước ngày 13 tháng 12 năm 2024** (kèm file PDF của bản kê khai tài sản, thu nhập), cụ thể:

+ Người kê khai thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy, Ban Thường vụ Quận ủy quản lý: gửi về Ủy ban kiểm tra Thành ủy, Ủy ban kiểm tra Quận ủy.

+ Người kê khai không thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy, Ban Thường vụ Quận ủy quản lý: gửi về Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh.

Đồng thời, thực hiện lưu trữ **01** bản chính bản kê khai tài sản, thu nhập vào hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức để quản lý theo quy định.

6. Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập và thực hiện báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2024:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện công khai bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định tại Điều 39 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Chương IV, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ; Hoàn thành việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập **trước ngày 31 tháng 12**

⁵ Theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập số 56-QĐ-TW ngày 08/02/2022 của Ban chấp hành Trung ương và điểm 3.1, Mục 2 Hướng dẫn số 03-HD/UBKTTW ngày 03/11/2022 của Ủy ban kiểm tra Trung ương: “Đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ có trách nhiệm nộp bản kê khai tài sản, thu nhập cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo thẩm quyền được quy định tại Điều 3 Quy chế này”.

năm 2024.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Các Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường:

- Tăng cường tổ chức quán triệt thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03 tháng 01 năm 2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản; Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Thành phố, Quận liên quan công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan, đơn vị. Xác định việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập là tiêu chí để đánh giá cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị và người đứng đầu.

- Kiểm tra bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai (kiểm tra bản kê khai có được thực hiện đảm bảo theo mẫu hướng dẫn hay không) trước khi nộp về Ủy ban nhân dân quận (Thông qua Phòng Nội vụ); tổ chức thực hiện công khai bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.

- Tăng cường lãnh đạo và tiến hành công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định của Đảng và Nhà nước về kê khai, công khai tài sản, thu nhập. Xử lý nghiêm minh cá nhân chậm kê khai; không kê khai, kê khai không trung thực; không giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm; không công khai bản kê khai.

- Cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập phải chủ động nghiên cứu kỹ quy định pháp luật, kê khai trung thực về tài sản, thu nhập, giải trình trung thực về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai tài sản, thu nhập.

- Báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2024 về Ủy ban nhân dân quận (Thông qua Phòng Nội vụ) ***trước ngày 06 tháng 01 năm 2025.***

2. Chánh Thanh tra quận:

- Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị về nội dung, trình tự, thủ tục thực hiện kê khai, công khai tài sản, thu nhập.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân quận báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2024 gửi Thanh tra Thành phố ***trước ngày 31 tháng 01 năm 2025.***

3. Phòng Nội vụ:

- Phối hợp Thanh tra quận triển khai thực hiện công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2024; Thực hiện rà soát đối tượng thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập đảm bảo đúng đối tượng, đầy đủ theo quy định; Tham mưu Ủy ban nhân dân quận rà soát, tổng hợp, phê duyệt Danh sách người có nghĩa vụ kê khai

năm 2024 và gửi Danh sách về Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền (Ủy ban kiểm tra Thành ủy, Thanh tra Thành phố và Ủy ban kiểm tra Quận ủy).

- Chấn chỉnh công tác tiếp nhận, quản lý Bản kê khai tài sản, thu nhập; Tổ chức kiểm tra, rà soát kỹ Bản kê khai tài sản, thu nhập khi tiếp nhận để đảm bảo việc kê khai đầy đủ, đúng quy định.

- Lập sổ theo dõi kê khai, giao, nhận bản kê khai và quản lý bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.

- Gửi **01** bản chính bản kê khai tài sản, thu nhập của người kê khai không thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy, Ban Thường vụ Quận ủy quản lý cho Thanh tra Thành phố **trước ngày 13 tháng 12 năm 2024** (kèm file PDF của bản kê khai tài sản, thu nhập).

- Thực hiện lưu trữ **01** bản chính bản kê khai tài sản, thu nhập vào hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức để quản lý theo quy định.

- Tổng hợp kết quả kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2024 của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân quận gửi Thanh tra quận **trước ngày 15 tháng 01 năm 2025**.

Bên cạnh đó, hàng năm kịp thời rà soát, hướng dẫn người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập lần đầu theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 thực hiện kê khai tài sản, thu nhập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng. Việc kê khai phải hoàn thành chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bổ trí vào vị trí công tác.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, đề nghị các Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND Thành phố;
- Thanh tra thành phố (Phòng 7, Phòng 2);
- BT, PBT Quận ủy;
- CT, các PCT.UBND/Q;
- Chủ nhiệm UBKT Quận ủy;
- Trưởng Ban Tổ chức Quận ủy;
- Chánh Văn phòng Quận ủy;
- UBMTTQVN/Q và các đoàn thể quận;
- Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc quận;
- Chủ tịch UBND phường;
- Lưu: VT, TTr(02).Anh.14.

CHỦ TỊCH

Đinh Khắc Huy

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND-TTr ngày tháng 9 năm 2024
của UBND quận Bình Thạnh)

DANH SÁCH 1

NGƯỜI CÓ NGHĨA VỤ KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU

STT	Tên đơn vị	Họ và tên người kê khai	Năm sinh	Chức vụ (Chức danh)	Ghi chú (Ghi rõ nếu thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy, Ban thường vụ Quận ủy quản lý)
I	Thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy, Ban thường vụ Quận ủy quản lý				
1					
2					
II	Không thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy, Ban thường vụ Quận ủy quản lý				
1					
2					
	TỔNG				

*** Lưu ý:**

Người có nghĩa vụ kê khai lần đầu là Người *lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2, và 3 Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018* phải hoàn thành việc kê khai chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, bổ trí vào vị trí công tác.

DANH SÁCH 2
NGƯỜI CÓ NGHĨA VỤ KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM

STT	Tên đơn vị	Họ và tên người kê khai	Năm sinh	Chức vụ (Chức danh)	Ghi chú (Ghi rõ nếu thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy, Ban thường vụ Quận ủy quản lý)
I	<i>Thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy, Ban thường vụ Quận ủy quản lý</i>				
1					
2					
II	<i>Không thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy, Ban thường vụ Quận ủy quản lý</i>				
1					
2					
	TỔNG				

*** Lưu ý:**

Người có nghĩa vụ kê khai hàng năm là những trường hợp được quy định tại ***khoản 3 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ, cụ thể:***

- Chủ tịch, các Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

- Các cơ quan chuyên môn, Ban quản lý chợ, các Trung tâm, đơn vị sự nghiệp thuộc quận: Trưởng phòng, phó trưởng phòng ban thuộc quận; Giám đốc, Phó giám đốc Trung tâm thuộc quận; Trưởng ban, phó trưởng ban quản lý chợ; Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng Trường, Tổ trưởng Tổ bộ môn là thành viên trong hội đồng tuyển sinh; Người giữ chức danh Kế toán, Thanh tra viên...

- Các Ủy ban nhân dân phường: Bí thư, Phó bí thư Đảng ủy phường, Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Kế toán...

(Xem thêm hướng dẫn của Thanh tra Thành phố về việc xác định các ngạch công chức và chức danh người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hàng năm thuộc thẩm quyền kiểm soát tài sản, thu nhập của Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh tại các quận, huyện đính kèm Kế hoạch này để xác định các trường hợp cần kê khai)

DANH SÁCH 3
NGƯỜI CÓ NGHĨA VỤ KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG

STT	Tên đơn vị	Họ và tên người kê khai	Năm sinh	Chức vụ (Chức danh)	Ghi chú (Ghi rõ nếu thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy, Ban thường vụ Quận ủy quản lý)
I	<i>Thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy, Ban thường vụ Quận ủy quản lý</i>				
1					
2					
II	<i>Không thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy, Ban thường vụ Quận ủy quản lý</i>				
1					
2					
	TỔNG				

*** Lưu ý:**

- Kê khai bổ sung được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có *biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên, trừ trường hợp đã kê khai hằng năm* như nêu trên.

- Nếu 01 người thuộc trường hợp phải kê khai tài sản, thu nhập lần đầu hoặc hằng năm, thì không thực hiện kê khai bổ sung.

- Sau đây là mẫu ***Đăng ký kê khai tài sản, thu nhập bổ sung năm 2024***, các cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai Mẫu này đến người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập lần đầu nhưng không thuộc đối tượng kê khai tài sản, thu nhập hằng năm tại đơn vị để họ kiểm tra, rà soát tài sản, thu nhập biến động trong năm, thực hiện đăng ký kê khai theo quy định. Trên cơ sở kết quả đăng ký, lập Danh sách 3 như nêu trên.

TÊN CƠ QUANCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**MẪU ĐĂNG KÝ KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG NĂM 2024***(Dành cho người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập lần đầu**Nhưng không thuộc đối tượng kê khai tài sản, thu nhập hằng năm tại đơn vị)*

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị	Biến động tài sản, thu nhập trong năm (tăng hoặc giảm) của người kê khai + vợ/chồng của người kê khai + con chưa thành niên có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên (Ghi “Có” hoặc “Không”)	Ký tên (Ghi rõ họ tên)

- Tại Mục Biến động tài sản, thu nhập trong năm (tăng hoặc giảm) của người kê khai + vợ/chồng của người kê khai + con chưa thành niên có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên ghi “Có” => Thuộc đối tượng phải kê khai tài sản, thu nhập bổ sung.

- Tại Mục Biến động tài sản, thu nhập trong năm (tăng hoặc giảm) của người kê khai + vợ/chồng của người kê khai + con chưa thành niên có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên ghi “Không” => Không thuộc đối tượng phải kê khai tài sản, thu nhập bổ sung.

PHỤ LỤC II
MẪU BẢN KÊ KHAI VÀ HƯỚNG DẪN
VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU (hoặc HẰNG NĂM)
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND-TTr ngày tháng 9 năm 2024
của UBND quận Bình Thạnh)

A. MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP:

TÊN CƠ QUAN ĐƠN VỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
----- Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU (hoặc HẰNG NĂM)
(Ngày..... tháng..... năm 2024)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:.....Ngày tháng năm sinh:
- Chức vụ/chức danh công tác:
- Cơ quan/đơn vị công tác:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾:ngày cấp..... nơi cấp

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
- Nghề nghiệp:
- Nơi làm việc⁽⁴⁾:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ngày cấp..... nơi cấp

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ngày cấp..... nơi cấp

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾:
- Diện tích⁽⁹⁾:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾:
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ:
- Loại nhà⁽¹⁴⁾:
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:

- Diện tích:
- Giá trị ⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất⁽³³⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai:

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.			
---	--	--	--

..... ngày....tháng....năm....
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

..... ngày....tháng....năm....
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

B. HƯỚNG DẪN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP:

I. GHI CHÚ CHUNG

- Bản kê khai không có nội dung sau:

“PHỤ LỤC II

MẪU BẢN KÊ KHAI VÀ HƯỚNG DẪN VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM

(Kèm theo Kế hoạch số.....)

A. MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP”

- Người kê khai sử dụng máy vi tính để viết bản khai tài sản, thu nhập; Giữ nguyên nội dung mẫu bản kê khai, không xóa dòng, trường hợp không có nội dung thì ghi “***Không có***” tại đầu mỗi mục, trường hợp có nội dung thì điền **đầy đủ** các thông tin theo yêu cầu; không viết tắt, không đánh dấu, không được để trống dòng.

- Họ tên phải viết bằng chữ in hoa; Trường hợp chưa có vợ hoặc chồng thì ghi “***Không có***”.

(2) Ghi ngày hoàn thành việc kê khai.

II. THÔNG TIN CHUNG

Về việc kê khai thông tin đối với con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật: ***Chỉ kê khai đối với con chưa thành niên.***

(3) Ghi số căn cước công dân. Nếu chưa được cấp thẻ căn cước công dân thì ghi số chứng minh thư (nhân dân/quân nhân/công an) và ghi rõ ngày cấp và nơi cấp.

(4) Nếu vợ hoặc chồng của người kê khai làm việc thường xuyên trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thì ghi rõ tên cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp đó; nếu làm việc tự do, nghỉ hưu hoặc làm việc nội trợ thì ghi rõ.

III. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

(5) Tài sản phải kê khai là tài sản hiện có thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người kê khai, của vợ hoặc chồng và con đẻ, con nuôi (nếu có) chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

(6) Quyền sử dụng thực tế đối với đất là trên thực tế người kê khai có quyền sử dụng đối với thửa đất bao gồm đất đã được cấp hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Địa chỉ: ghi đầy đủ, cụ thể số nhà (nếu có), ngõ, ngách, khu phố, thôn, xóm, bản; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

(7) Đất ở là đất được sử dụng vào mục đích để ở theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp thửa đất được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau mà trong đó có đất ở thì kê khai vào mục đất ở.

(8) Ghi cụ thể số nhà (nếu có), ngõ, ngách, khu phố, thôn, xóm, bản; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

(9) Ghi diện tích đất (m²) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc diện tích đo thực tế (nếu chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

(10) Giá trị là giá gốc tính bằng tiền Việt Nam, cụ thể: Trường hợp tài sản có được do mua, chuyển nhượng thì ghi số tiền thực tế phải trả khi mua hoặc nhận chuyển nhượng cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có); trường hợp tài sản có được do tự xây dựng, chế tạo, tôn tạo thì ghi tổng chi phí đã chi trả để hoàn thành việc xây dựng, chế tạo, tôn tạo cộng với phí, lệ phí (nếu có) tại thời điểm hình thành tài sản; trường hợp tài sản được cho, tặng, thừa kế thì ghi theo giá thị trường tại thời điểm được cho, tặng, thừa kế cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có) và ghi “giá trị ước tính”; trường hợp không thể ước tính giá trị tài sản vì các lý do như tài sản sử dụng đã quá lâu hoặc không có giao dịch đối với tài sản tương tự thì ghi “không xác định được giá trị” và ghi rõ lý do.

(11) Nếu thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tên người được cấp hoặc tên người đại diện (nếu là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung của nhiều người); nếu thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi “chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Giấy chứng nhận ghi đầy đủ 04 nội dung: số, ngày cấp, cơ quan cấp, tên

người được cấp.

(12) Ghi cụ thể về tình trạng thực tế quản lý, sử dụng (ví dụ như người kê khai đứng tên đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu nhưng thực tế là của người khác); tình trạng chuyển nhượng, sang tên và hiện trạng sử dụng như cho thuê, cho mượn,...

(13) Kê khai các loại đất có mục đích sử dụng không phải là đất ở theo quy định của Luật Đất đai.

Đối với các loại đất mà trong đó có đất ở thì phải kê khai tại mục Đất ở, ghi rõ diện tích đất và mở ngoặc ghi trong đó phần diện tích đất ở trên tổng diện tích đất.

(14) Loại nhà: Nhà ở riêng lẻ hoặc căn hộ (chỉ có 02 loại nhà này, ngoài ra thì kê khai ở mục Công trình xây dựng khác như: Nhà xưởng, nhà máy,...). Ghi “căn hộ” nếu là căn hộ trong nhà tập thể, chung cư; ghi “nhà ở riêng lẻ” nếu là nhà được xây dựng trên thửa đất riêng biệt; ghi rõ diện tích sàn xây dựng, giá trị; nếu không xác định được giá trị thì phải ghi lý do.

Thông tin khác: ghi cụ thể theo hướng dẫn về tình trạng thực tế quản lý, sử dụng nhà như đang sử dụng để ở hay cho thuê, cho mượn hoặc bỏ trống.

Đối với nhà ở riêng lẻ **phải khai phần đất ở** gắn với nhà tại mục Đất ở, ghi rõ diện tích đất; thông tin khác ghi rõ ***“nhà gắn liền với đất ở thửa thứ mấy theo thứ tự kê khai tại mục Đất ở”***.

(15) Ghi tổng diện tích (m²) sàn xây dựng của tất cả các tầng của nhà ở riêng lẻ, biệt thự bao gồm cả các tầng hầm, tầng nửa hầm, tầng kỹ thuật, tầng áp mái và tầng mái tum. Nếu là căn hộ thì diện tích được ghi theo giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng mua, hợp đồng thuê của nhà nước.

(16) Công trình xây dựng khác là công trình xây dựng không phải nhà ở.

(17) Kê khai những tài sản gắn liền với đất mà có tổng giá trị mỗi loại ước tính từ 50 triệu trở lên.

(18) Cây lâu năm là cây trồng một lần, sinh trưởng và cho thu hoạch trong nhiều năm gồm: cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả lâu năm, cây lâu năm lấy gỗ, cây tạo cảnh, bóng mát. Cây mà thuộc rừng sản xuất thì không ghi vào mục này.

(19) Rừng sản xuất là rừng trồng.

(20) Ghi các loại vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên; khi kê khai, phải ghi luôn giá trị ước tính quy đổi thành Việt Nam đồng để so sánh là trên 50 triệu đồng.

(21) Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. Nếu ngoại tệ thì ghi số lượng và số tiền quy đổi ra tiền Việt Nam. Ghi rõ loại tiền, nếu là tiền gửi ngân hàng thì ghi tên ngân hàng gửi.

(22) Ghi cụ thể hình thức góp vốn: vào Công ty (ghi cụ thể tên Công ty); góp vốn kinh doanh (ghi cụ thể hình thức kinh doanh)...ghi cả trực tiếp và gián tiếp.

(23) Các loại giấy tờ có giá khác như chứng chỉ quỹ, kỳ phiếu, séc,...

(24) Ô tô, mô tô, xe gắn máy, xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác), tàu thủy, tàu bay, thuyền và những động sản khác mà theo quy định phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký có giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở

lên.

(25) Các loại tài sản khác như cây cảnh, bàn ghế, tranh ảnh và các loại tài sản khác mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

(26) kê khai tài sản ở nước ngoài phải kê khai tất cả loại tài sản nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam, tương tự mục 1 đến mục 7 của Phần II và nêu rõ tài sản đang ở nước nào.

(27) kê khai các tài khoản mở tại ngân hàng ở nước ngoài; các tài khoản khác mở ở nước ngoài không phải là tài khoản ngân hàng nhưng có thể thực hiện các giao dịch bằng tiền, tài sản (như tài khoản mở ở các công ty chứng khoán nước ngoài, sàn giao dịch vàng nước ngoài, ví điện tử ở nước ngoài...).

(28) kê khai riêng tổng thu nhập của người kê khai, vợ hoặc chồng, con chưa thành niên. Trong trường hợp có những khoản thu nhập chung mà không thể tách riêng thì ghi tổng thu nhập chung vào phần các khoản thu nhập chung; nếu có thu nhập bằng ngoại tệ, tài sản khác thì quy đổi thành tiền Việt Nam (gồm các khoản lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, cho, tặng, biếu, thừa kế, tiền thu do bán tài sản, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát minh, sáng chế, các khoản thu nhập khác). ***Đối với kê khai lần đầu thì không phải kê khai tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.*** Đối với lần kê khai thứ hai trở đi được xác định từ ngày kê khai liền kề trước đó đến ngày trước ngày kê khai.

(33) Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: hòn nam bộ, tượng đá, các công trình tạc tượng và tương tự...

(34) ***Đối với các tài sản kê khai tại mục 3, 6 và 7:*** ghi đầy đủ thông tin phải kê khai về tên gọi, số lượng và giá trị (nếu không xác định được giá trị thì ghi “Không xác định được giá trị” và ghi rõ lý do).

IV. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM (*Lưu ý: Đối với kê khai lần đầu thì không phải kê khai nội dung biến động tài sản, thu nhập và giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm*).

(29) kê khai tài sản tăng hoặc giảm tại thời điểm kê khai so với tài sản đã kê khai trước đó và giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm, nguồn hình thành thu nhập trong kỳ áp dụng với lần kê khai thứ hai trở đi. Nếu không có tăng, giảm tài sản thì ghi rõ là ***“Không có biến động”*** ngay sau tên của Mục III.

(30) Nếu tài sản tăng thì ghi dấu cộng (+) và số lượng tài sản tăng vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản tăng vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân tăng vào cột “nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

(31) Nếu tài sản giảm thì ghi dấu trừ (-) vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản giảm vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân giảm tài sản vào cột “Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

(32) Ghi tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và ghi rõ từng khoản thu nhập có được trong kỳ kê khai.

Ví dụ: Trong thời kỳ từ 16/12/2019 đến 15/12/2020, ông A bán một thửa đất ở 100 m² ở địa chỉ B, giá trị của thửa đất lúc mua là 500 triệu, thu được 4 tỷ đồng;

ông A sử dụng tiền bán thửa đất trên mua 01 căn hộ 100 m² tại chung cư C giá mua 3,5 tỷ đồng và mua một ô-tô Toyota với giá 1 tỷ đồng, đăng ký biển kiểm soát 18E-033.55. Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp của gia đình ông A là 600 triệu, thu nhập từ các khoản đầu tư là 1 tỷ đồng, sau khi chi tiêu ông A gửi tiết kiệm ở ngân hàng D số tiền 500 triệu.

Ông A sẽ ghi như sau:

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng đất 1.1/Đất ở - Bán thửa đất B	- 100m ²	500 triệu	Giảm do bán
2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở - Mua căn hộ tại chung cư C	+ 100 m ²	3.500 triệu	Mua nhà từ tiền bán thửa đất B
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. - Gửi tiết kiệm tại ngân hàng D	+ 01 Sổ tiết kiệm	500 triệu	Tiết kiệm từ thu nhập
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký - Mua ô tô, số ĐK: 18E-033.55	+ 01	1.000 triệu	Mua từ tiền bán đất và thu nhập trong năm
8. Tài sản ở nước ngoài			
9. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.		+ 5.600 triệu	- Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp 600 triệu; - Thu nhập từ các

			khoản đầu tư 1.000 triệu; - Tiền bán thừa đất B được 4.000 triệu
--	--	--	---

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC III
MẪU BẢN KÊ KHAI VÀ HƯỚNG DẪN
VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND-TTr ngày tháng 9 năm 2024
của UBND quận Bình Thạnh)*

A. MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG
(Ngày.....tháng.....năm 2024) ⁽¹⁾

I. THÔNG TIN CHUNG (2)

.....

II. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁾ /giảm ⁽⁴⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất: 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng khác: 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất: 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất là rừng trồng 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên. 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bộ bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, tiền điện tử, các loại tài sản khác...). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai ⁽⁵⁾.			
--	--	--	--

III. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽⁶⁾

.....

.....

B. HƯỚNG DẪN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG

(1) Ghi ngày hoàn thành việc kê khai.

(2) Ghi như phần thông tin chung trong Mẫu bản kê khai tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch này.

(3) Nếu tài sản tăng thì ghi dấu cộng (+) và số lượng tài sản tăng vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản tăng vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân tăng vào cột “nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

(4) Nếu tài sản giảm thì ghi dấu trừ (-) vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản giảm vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân giảm tài sản vào cột “Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

(5) Ghi tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và ghi rõ từng khoản thu nhập có được trong kỳ kê khai (xem ví dụ tại điểm 32 phần hướng dẫn tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch này).

(6) Ghi như mục II “Thông tin mô tả về tài sản” theo mẫu bản kê khai và hướng dẫn tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch này. Lưu ý chỉ kê khai về những tài sản mới tăng thêm, không kê khai lại những tài sản đã kê khai trước đó.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC IV
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Kết quả triển khai thực hiện công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập
năm 2024**
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND-TTr ngày tháng 9 năm 2024
của UBND quận Bình Thạnh)*

1. Việc chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập:

- Công tác truyền thông, quán triệt các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập;
- Các văn bản chỉ đạo, đôn đốc, triển khai thực hiện đã ban hành.

2. Tình hình nhân sự:

- Tổng số người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2023 (...người); năm 2024 (...người).
- Nếu số lượng người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 có biến động so với năm 2023 thì nêu cụ thể số lượng biến động, lý do biến động.
- Tình hình cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, của các cơ quan, đơn vị tại thời điểm kê khai năm 2024.

3. Kết quả thực hiện:

- Kết quả kê khai, công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập:

TT	NỘI DUNG	Đơn vị	Diện thành ủy quản lý	Diện Quận ủy quản lý	Không thuộc diện thành ủy, quận ủy quản lý	TỔNG
1	2	3	4	5	6	7
I	Kê khai tài sản, thu nhập					

1	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập	CQTCDV				
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%				
2	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện hoặc chưa được tổng hợp kết quả trong báo cáo này	CQTCDV				
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%				
3	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập năm 2024	Người				
3.1	<i>Số người phải thực hiện kê khai hàng năm</i>	<i>Người</i>				
	<i>Tỷ lệ so với tổng số người phải kê khai tài sản, thu nhập trong năm 2024</i>	<i>%</i>				
3.2	<i>Số người phải thực hiện kê khai bổ sung</i>	<i>Người</i>				
	<i>Tỷ lệ so với tổng số người phải kê khai tài sản, thu nhập trong năm 2024</i>	<i>%</i>				
3.3	<i>Số người phải thực hiện kê khai lần đầu</i>	<i>Người</i>				
	<i>Tỷ lệ so với tổng số người phải kê khai tài sản, thu nhập trong năm 2024</i>	<i>%</i>				
3.4	<i>Số người vừa phải thực hiện kê khai lần đầu và kê khai hàng năm</i>	<i>Người</i>				
	<i>Tỷ lệ % so với tổng số người phải kê khai tài sản, thu nhập trong năm 2024</i>	<i>%</i>				

3.5	<i>Số người vừa phải thực hiện kê khai lần đầu và kê khai bổ sung trong năm 2024</i>					
	<i>Tỷ lệ % so với tổng số người phải kê khai tài sản, thu nhập trong năm 2024</i>	%				
4	Số người đã kê khai tài sản, thu nhập trong năm 2024, trong đó:	Người				
4.1	<i>Số người đã thực hiện kê khai hằng năm</i>	<i>Người</i>				
	<i>Tỷ lệ % so với tổng số người đã kê khai tài sản, thu nhập trong năm 2024</i>	%				
4.2	<i>Số người đã thực hiện kê khai bổ sung</i>	<i>Người</i>				
	<i>Tỷ lệ % so với tổng số người đã kê khai tài sản, thu nhập trong năm 2024</i>	%				
4.3	<i>Số người đã thực hiện kê khai lần đầu trong năm 2024</i>	<i>Người</i>				
	<i>Tỷ lệ % so với tổng số người đã kê khai tài sản, thu nhập trong năm 2024</i>	%				
4.4	<i>Số người đã thực hiện kê khai lần đầu và kê khai hằng năm năm 2024</i>	<i>Người</i>				
	<i>Tỷ lệ % so với tổng số người đã kê khai tài sản, thu nhập trong năm 2024</i>	%				
4.5	<i>Số người đã thực hiện kê khai lần đầu và kê khai bổ sung năm 2024</i>	<i>Người</i>				

	<i>Tỷ lệ % so với tổng số người đã kê khai tài sản, thu nhập trong năm 2024</i>	%				
5	Số người chưa thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2024	Người				
II	Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập					
1	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQTCĐV				
	<i>Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>	%				
2	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện hoặc chưa được tổng hợp kết quả trong báo cáo này	CQTCĐV				
	<i>Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>	%				
3	Số bản kê khai đã được công khai	Bản KK				
3.1	<i>Số bản kê khai đã công khai theo hình thức niêm yết</i>	<i>Bản KK</i>				
	<i>tỷ lệ% so với số bản kê khai đã công khai</i>	%				
3.2	<i>Số bản kê khai đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp</i>	<i>Bản KK</i>				
	<i>tỷ lệ% so với số bản kê khai đã công khai</i>	%				
3.3	<i>Số bản kê khai đã công</i>	<i>Bản KK</i>				

	<i>khai theo hình thức vừa niêm yết vừa công khai tại cuộc họp</i>					
	<i>tỷ lệ ...% so với số bản kê khai đã công khai</i>	<i>%</i>				
4	Số trường hợp không thực hiện công khai	Bản KK				

- Kết quả khác (nếu có).

3. Đánh giá chung và kiến nghị

- Thuận lợi, khó khăn, vướng mắc khi triển khai thực hiện; giải pháp đề chủ động hoặc đề xuất giải pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc.
- Những nội dung quy định cần hướng dẫn cụ thể hơn.
- Các kiến nghị khác./.

Nơi nhận:

**Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị
Ký tên, đóng dấu**